

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dư Thị Út

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Hồng T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh S. “vắng mặt”.

2. Bị đơn: Anh **Trương Kiến H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: số 1, đường V, Phường X, thành phố B, tỉnh B. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Trương Kiến H tự nguyện kết hôn năm 2008, được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2008 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 2020, quyển số 01/2008. Trong quá trình

chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến, quan điểm sống với nhau và cách sinh hoạt của vợ chồng, vợ chồng đã ly thân được một thời gian. Nay chị xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Kiến H.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh H có 02 người con chung tên Trương K, sinh ngày 26/4/2010 và Trương A, sinh ngày 05/01/2015. Hiện nay cháu Nhựt Anh và cháu Nhựt K đang sống chung cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Trương Kiến H:

Tại biên bản lấy lời khai của anh Trương Kiến H vào ngày 11/10/2021 thể hiện anh thống nhất với lời trình bày của chị Hồ Thị Hồng T về vấn đề hôn nhân cũng như mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng anh đã sống ly thân được một thời gian. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống anh và chị T có 02 người con chung tên Trương K, sinh ngày 26/4/2010 và Trương A, sinh ngày 05/01/2015. Hiện nay cháu A và cháu K đang sống chung cùng chị T. Khi ly hôn anh H đồng ý giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, chị T và anh H chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không sống chung trong một thời gian, không thể hàn gắn. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Giao cháu Trương K, sinh ngày 26/4/2010 và Trương A, sinh ngày 05/01/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu

cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Đối với tài sản chung và nợ chung: chị T và anh H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hồ Thị Hồng T yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Trương Kiến H, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trương Kiến H cư trú tại số 1, đường V, Phường 3, thành phố B, tỉnh B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh S cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2008 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 2020, quyển số 01/2008, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau, chị T và anh H đã không thấy được mục đích và ý nghĩa của hôn nhân, không tìm ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên đã ly thân được một thời gian. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: chị T và anh H thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Trương Hồ K, sinh ngày 26/4/2010 và Trương A, sinh ngày 05/01/2015. Hiện nay cháu Nhựt K và Nhựt A đang sống chung cùng chị T. Khi ly hôn chị T và anh H thống nhất giao cháu K và A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị T và anh H về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, phù hợp theo quy định pháp luật, đồng thời tại bản tự khai của cháu K thể hiện cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H, giao cháu K và cháu A

cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh H thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Chị Hồ Thị Hồng T yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Hồng T và anh Trương Kiến H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương K, sinh ngày 26/4/2010 và cháu Trương A, sinh ngày 05/01/2015 cho chị Hồ Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu K và cháu A đang sống chung cùng chị T). Anh Trương Kiến H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị Hồng T không yêu cầu anh Trương Kiến H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Hồng T và anh Trương Kiến H thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Hồ Thị Hồng T và anh Trương Kiến H thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị Hồ Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006957 ngày 14/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh S;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định